

Số: 15 /2019/NQ-HĐND

Long An, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Quốc hội tỉnh Long An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14 ngày 17/4/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 580/2018/UBTVQH14 ngày 04/10/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

Thực hiện Văn bản số 643/VPQH-KHTC ngày 06/3/2019 của Văn phòng Quốc hội về việc thực hiện chế độ đối với Đại biểu Quốc hội và cán bộ, công chức phục vụ Đoàn đại biểu Quốc hội sau khi Nghị quyết số 580/2018/UBTVQH có hiệu lực;

Xét Tờ trình số 207/TTr-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh về quy định chế độ đối với Đại biểu Quốc hội, cán bộ, công chức phục vụ hoạt động Đoàn Đại biểu Quốc hội sau khi hợp nhất; Báo cáo thẩm tra số 862/BC-HĐND ngày 02/12/2019 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này là quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Quốc hội tỉnh Long An.

(Đính kèm Quy định)

Những nội dung chi không được thể hiện trong Nghị quyết này thì được áp dụng chi theo quy định tại Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội; Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14 ngày 17/4/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định bổ sung một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Quốc hội, Nghị quyết số 555/NQ-UBTVQH13 ngày 28/12/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thực hiện phụ cấp công tác đại biểu Quốc hội chuyên trách, Công văn số 1602/VPQH-KHTC ngày 21/7/2016 của Văn phòng Quốc hội về việc chế độ chi đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Công văn số 472/QĐ-VPQH ngày 20/3/2017 về chế độ khoán chi hợp đối với ĐBQH chuyên trách và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 06/12/2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020./.

Nơi nhận: 

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VP. QH; VP. CP (TP. HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài Chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP. Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh và UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc Văn phòng (Phòng CT. HĐND tỉnh – 2b);
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT. (15)

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Rạnh

QUY ĐỊNH

**Về việc một số chế độ, định mức chi bảo đảm điều kiện hoạt động
của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Quốc hội tỉnh Long An**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Long An)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chế độ đối với Đại biểu Quốc hội, cán bộ công chức, nhân viên phục vụ hoạt động Đoàn Đại biểu Quốc hội sau khi họp nhất.

2. Đối tượng áp dụng

Chế độ quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đối với Đại biểu Quốc hội, cán bộ công chức, nhân viên phục vụ hoạt động Đoàn Đại biểu Quốc hội sau khi họp nhất.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Hoạt động tiếp xúc cử tri		
a	Hỗ trợ điểm TXCT	Đồng/điểm	Tối đa 5.000
b	Bồi dưỡng cho CBCC, nhân viên phục vụ TXCT		
	Bồi dưỡng cho CBCC	Đồng/người/đợt	500
	Bồi dưỡng cho nhân viên phục vụ	Đồng/người/buổi	80
c	Bồi dưỡng xây dựng báo cáo kết quả TXCT	Đồng/báo cáo/đợt tiếp xúc cử tri	
	Báo cáo kết quả TXCT theo từng nhóm		300
	Báo cáo kết quả TXCT chung cho cả đoàn		500

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
2	Hoạt động tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo		
<i>a</i>	<i>Trường hợp đại biểu Quốc hội tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân ở Trung ương, trụ sở hoặc địa điểm tiếp công dân tại địa phương, chế độ chi được quy định như sau:</i>		
	Đại biểu Quốc hội, đại diện lãnh đạo cơ quan liên quan được phân công tiếp công dân	Đồng/người/buổi	150
	Chi bồi dưỡng cho CBCC phục vụ trực tiếp ĐBQH tiếp công dân	Đồng/người/buổi	80
	Chi bồi dưỡng cho CBCC phục vụ gián tiếp ĐBQH tiếp công dân	Đồng/người/buổi	50
<i>b</i>	Chi xây dựng báo cáo gửi UBND/VQH về tình hình và kết quả tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo	Đồng/báo cáo	1.800
<i>c</i>	Đối với xây dựng báo cáo đề xuất giải quyết vụ khiếu nại, tố cáo trình hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền: mức chi là 1.000.000 đồng/báo cáo.	Đồng/báo cáo	1.000
3	Hoạt động giám sát, khảo sát		
<i>a</i>	<i>Chi cho thành viên tham gia đoàn giám sát, khảo sát</i>		
	Trưởng đoàn giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	200
	Thành viên đoàn giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	100
	CBCC và người lao động phục vụ đoàn giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	80
<i>b</i>	<i>Chi xây dựng các văn bản giám sát, khảo sát</i>		
	Nghị Quyết thành lập Đoàn giám sát (bao gồm kế	Đồng/báo cáo	1.200

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	hoạch và nội dung giám sát)		
	Xây dựng đề cương giám sát, khảo sát	Đồng/báo cáo	1.200
	Xây dựng báo cáo kết quả giám sát	Đồng/báo cáo	1.800
	Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát	Đồng/báo cáo	1.200
	Báo cáo kết quả giám sát văn bản QPPL	Đồng/báo cáo	1.800
c	<i>Tổ chức cuộc họp của Đoàn giám sát, khảo sát</i>		
	Bồi dưỡng đại biểu chủ trì họp giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	200
	Bồi dưỡng cho thành viên họp giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	100
4	Hoạt động tham gia xây dựng luật		
a	<i>Chi tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến tham gia xây dựng Luật</i>		
	Bồi dưỡng người chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	200
	Bồi dưỡng cho các thành viên dự họp	Đồng/người/buổi	100
	Bồi dưỡng phóng viên, đài báo	Đồng/người/buổi	100
	Chi báo cáo tham luận, ý kiến tại hội nghị, hội thảo; tham gia vào các dự án Luật (Báo cáo, ý kiến tham gia bằng văn bản, do Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh quyết định cụ thể	Đồng/báo cáo	600-1.000
	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào dự án Luật	Đồng/báo cáo	800
b	Chế độ chi đối với chuyên gia nghiên cứu chuyên đề phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Đoàn đại biểu Quốc hội (<i>tùy theo nội dung và tính cấp thiết của chuyên đề Trưởng đoàn ĐBQH quyết định việc thuê chuyên gia</i>)	Đồng/báo cáo	Tối đa 4.000
c	Chi xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân liên quan (do Trưởng Đoàn ĐBQH quyết định việc xin ý kiến)	Đồng/báo cáo	Tối đa 1.000
d	Chi hỗ trợ xây dựng luật đối với cán bộ, công chức		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Văn phòng (Trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH):		
	Chánh Văn phòng, Phó chánh Văn phòng, chuyên viên cao cấp và tương đương	Đồng/người/năm	12.000
	Chuyên viên chính và tương đương	Đồng/người/năm	10.000
	Chuyên viên và tương đương	Đồng/người/năm	7.500
5	Các nội dung chi tại các cuộc họp của Đoàn ĐBQH với các ngành liên quan		
	Bồi dưỡng người chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	200
	Bồi dưỡng cho các thành viên dự họp	Đồng/người/buổi	100
	Bồi dưỡng phóng viên, đài báo phục vụ họp	Đồng/người/buổi	100
	Khoán chi họp của ĐB chuyên trách	Đồng/người/tháng	4.000
	Khoán chi phục vụ hoạt động QH		
	+ Chánh VP, Phó Chánh VP, chuyên viên cao cấp và tương đương	Đồng/người/tháng	3.500
	+ Chuyên viên chính và tương đương	Đồng/người/tháng	2.800
	+ Chuyên viên và tương đương	Đồng/người/tháng	2.000
6	Chi công tác phí, hội nghị		
	Áp dụng đối với Đại biểu Quốc hội của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (trừ Đại biểu Quốc hội chuyên trách Trung ương); Đại biểu Quốc hội không chuyên trách ở Trung ương do cơ quan, đơn vị nơi đại biểu công tác đảm bảo		Áp dụng theo Điều 11 NQ 524/2012/UBTVQH13 và NQ số 62/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh
7	Chi xây dựng báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội		
	Chi báo cáo định kỳ (6 tháng, năm, nhiệm kỳ,...)	Đồng/báo cáo	1.800

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	của Đoàn ĐBQH trình Ủy ban thường vụ Quốc hội		
8	Chế độ chi may lễ phục, trang phục		
	Mỗi nhiệm kỳ Quốc hội, cán bộ, công chức Văn phòng (Trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH) được cấp tiền may 01 bộ lễ phục	Đồng/người/bộ	5.000
9	Chế độ tặng quà đối với các đối tượng Chính sách - Xã hội (Tổng số tiền quà tặng trong năm tối đa không quá 150 triệu đồng/năm)		
	Chi tặng quà đối với các tập thể	Đồng/lần	3.000
	Chi tặng quà đối với các cá nhân	Đồng/lần	700
	Chi hỗ trợ ĐBQH (5 phần quà) thăm các đối tượng chính sách-xã hội	Đồng/phần	500
10	Chế độ tặng quà lưu niệm đối với ĐBQH, cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND (trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH) khi kết thúc nhiệm kỳ; nghỉ hưu; chuyển công tác khác		
	Đối với Đại biểu Quốc hội (<i>được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ, mức chi theo chế độ chi tổng kết nhiệm kỳ</i>)	Đồng/người	5.000
	Đối với cán bộ, chuyên viên (<i>được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ, mức chi theo chế độ chi tổng kết nhiệm kỳ</i>)	Đồng/người	1.500
	CBCC Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND (trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH) khi nghỉ hưu, chuyển công tác sang cơ quan khác được tặng quà lưu niệm	Đồng/người	1.500

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
11	Chế độ thăm hỏi, trợ cấp đối với ĐBQH, CBCC, NLĐ		
	Chi thăm hỏi đối với ĐBQH, nguyên ĐBQH, CBCC Văn phòng đương nhiệm, nghỉ hưu (trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH) khi ốm, đau	Đồng/người/lần	1.000
	ĐBQH bị bệnh hiểm nghèo, chi không quá 2 lần/người/năm	Đồng/người/lần	Tối đa 5.000
	Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ, chồng của ĐBQH chết	Đồng/người/lần	2.000
	ĐBQH, nguyên ĐBQH khi từ trần gia đình được trợ cấp	Đồng/người/lần	2.000
	Trợ cấp đối với CBCC khi bị bệnh hiểm nghèo, khó khăn đột xuất, thiên tai, hỏa hoạn. Trưởng Đoàn ĐBQH quyết định mức trợ cấp	Đồng/người/lần	Tối đa 5.000

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Chế độ đối với Đại biểu Quốc hội, cán bộ công chức phục vụ hoạt động Đoàn Đại biểu Quốc hội sau khi hợp nhất chi từ nguồn dự toán được giao hàng năm của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Rạng